

Số: /2019/QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc tổ chức bình chọn
sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 662/TTr-SCT ngày 30/9/2019 và Báo cáo số 193/BC-STP ngày 30/9/2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05/11/2019 và thay thế Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Công Thương, Sở Nội vụ, Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu: Vp1, Vp5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Ngô Gia Tự

QUY ĐỊNH

**Về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp
nông thôn tiêu biểu tỉnh Nam Định**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày /10/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Đối tượng áp dụng.

Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp tại huyện, xã, thị trấn và các phường thuộc thành phố Nam Định chuyển đổi từ xã chưa quá 5 năm, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (viết tắt là CNNTTB).

Điều 2. Sản phẩm tham gia bình chọn

1. Là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất trên địa bàn tỉnh Nam Định và đăng ký tham gia bình chọn.

2. Là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm.

Bộ sản phẩm là tập hợp các sản phẩm do cùng một cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất, được sử dụng kết hợp với nhau làm tăng thêm hiệu quả sử dụng và tính thẩm mỹ, thuộc một trong các trường hợp sau:

- Các sản phẩm có cùng tính năng, công dụng, được sản xuất từ một loại nguyên liệu, vật liệu nhưng khác nhau về kiểu dáng mẫu mã;

- Các sản phẩm có cùng kiểu dáng, mẫu mã và tính năng, công dụng được sản xuất từ các nguyên liệu, vật liệu khác nhau.

3. Sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

4. Có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

5. Một cơ sở công nghiệp nông thôn có thể đăng ký tham gia bình chọn cho một hoặc nhiều sản phẩm. Sản phẩm CNNTTB được đăng ký tham gia tại nhiều kỳ bình chọn.

Điều 3. Phân nhóm các sản phẩm tham gia bình chọn

Sản phẩm tham gia bình chọn được phân thành các nhóm như sau:

1. Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ (nguyên liệu từ gỗ, mây, tre, lá, cói, lục bình, đất, đá, kim loại, sợi các loại, nông sản).

2. Nhóm sản phẩm bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản và đồ uống (nguyên liệu sản xuất chủ yếu từ sản phẩm nông, lâm, thủy sản sản xuất trên địa bàn tỉnh).

3. Nhóm sản phẩm về thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí (sản xuất ra thành phẩm hoàn chỉnh tại Nam Định từ sản xuất phụ tùng đến lắp ráp sản phẩm).

4. Nhóm các sản phẩm khác.

Điều 4. Cấp bình chọn sản phẩm CNNTTB

1. Cấp huyện là cấp bình chọn được thực hiện trong phạm vi huyện, thành phố Nam Định; do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Nam Định (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) chủ trì, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

2. Cấp tỉnh là cấp bình chọn được thực hiện trong phạm vi tỉnh Nam Định; do Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Chương II

HỘI ĐỒNG BÌNH CHỌN, BAN GIÁM KHẢO VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN

Điều 5. Hội đồng bình chọn

1. Hội đồng bình chọn sản phẩm CNNTTB (sau đây gọi là Hội đồng bình chọn) các cấp được thành lập như sau:

a) Hội đồng bình chọn cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập;

b) Hội đồng bình chọn cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập;

2. Thành viên của Hội đồng bình chọn hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Việc bổ sung hoặc thay thế các thành viên của Hội đồng bình chọn do người có thẩm quyền thành lập Hội đồng bình chọn cùng cấp quyết định.

Điều 6. Cơ cấu, thành phần Hội đồng bình chọn

1. Hội đồng bình chọn cấp huyện có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Lãnh đạo phòng Công Thương, phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Các thành viên khác của Hội đồng là đại diện của một số đơn vị, tổ chức có liên quan; các nhà khoa học, các chuyên gia, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các sản phẩm đăng ký bình chọn.

2. Hội đồng bình chọn cấp tỉnh có 07 hoặc 09 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là Lãnh đạo Sở Công Thương;

c) Các thành viên khác của Hội đồng là đại diện của một số đơn vị, tổ chức có liên quan; các nhà khoa học, các chuyên gia, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội đồng bình chọn

1. Hội đồng bình chọn có nhiệm vụ: Thành lập Ban giám khảo và Tổ chuyên môn giúp việc; tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB của cấp tương ứng; đề xuất, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB.

2. Hội đồng bình chọn cấp huyện, cấp tỉnh có trách nhiệm lựa chọn, lập danh sách các sản phẩm CNNTTB nhất của cấp tương ứng để đề xuất, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đăng ký tham gia bình chọn ở cấp cao hơn.

3. Hội đồng bình chọn có trách nhiệm giải quyết các vướng mắc; xử lý kiến nghị và khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn do Hội đồng bình chọn cấp đó thực hiện.

Điều 8. Ban Giám khảo

1. Ban Giám khảo do Chủ tịch Hội đồng bình chọn các cấp thành lập để giúp Hội đồng bình chọn đánh giá và bình chọn các sản phẩm CNNTTB. Ban Giám khảo chịu trách nhiệm trước Hội đồng bình chọn về kết quả bình chọn.

2. Ban Giám khảo gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên. Số lượng thành viên của Ban Giám khảo là số lẻ và không quá 07 thành viên. Thành viên của Ban Giám khảo là các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ quản lý, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến

các nhóm sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn. Thành viên của Ban Giám khảo có thể là thành viên của Hội đồng bình chọn.

3. Ban Giám khảo có nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ, sản phẩm và tổ chức chấm điểm theo tiêu chí được quy định tại Phụ lục của Quy định này. Ban Giám khảo làm việc theo nguyên tắc công khai, minh bạch, kết luận theo đa số.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký bình chọn

1. Hồ sơ đăng ký bình chọn cấp huyện: Theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

2. Hồ sơ đăng ký bình chọn cấp tỉnh, cấp khu vực: Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Điều 10. Địa điểm, thời gian tiếp nhận hồ sơ và sản phẩm

1. Thời gian tiếp nhận hồ sơ, sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Hội đồng bình chọn cấp đó.

2. Trong trường hợp đặc biệt, cơ sở công nghiệp nông thôn không thể gửi sản phẩm đến Hội đồng bình chọn, Chủ tịch Hội đồng bình chọn xem xét và quyết định phương thức bình chọn đối với sản phẩm đó.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn cấp huyện được gửi trực tiếp đến phòng Công Thương huyện (Phòng Kinh tế đối với các sản phẩm trên địa bàn thành phố Nam Định); hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh được gửi trực tiếp đến Sở Công Thương.

Điều 11. Địa điểm và thời gian tổ chức bình chọn sản phẩm

1. Cấp huyện, cấp tỉnh được tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB định kỳ 02 năm một lần. Trường hợp khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Địa điểm, thời gian cụ thể tổ chức bình chọn cấp huyện, cấp tỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng bình chọn cấp huyện, cấp tỉnh phù hợp với kế hoạch chung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 12. Lưu giữ hồ sơ và sản phẩm bình chọn

1. Hồ sơ bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện lưu tại đơn vị do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định; cấp tỉnh lưu tại Sở Công Thương.

2. Thời hạn bảo quản hồ sơ bình chọn các cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

3. Sản phẩm tham gia bình chọn sẽ được trả lại cho cơ sở công nghiệp nông thôn hoặc lưu giữ trưng bày tại nơi trưng bày sản phẩm công nghiệp nông thôn của huyện, của tỉnh khi được chủ cơ sở công nghiệp nông thôn đồng ý.

Chương III

TỔ CHỨC BÌNH CHỌN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 13. Tiêu chí bình chọn và phương pháp chấm điểm

1. Việc bình chọn sản phẩm CNNTTB được đánh giá theo nhóm sản phẩm, thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

- a) Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;
- b) Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;
- c) Tiêu chí về tính văn hóa, thẩm mỹ;
- d) Tiêu chí khác.

Chi tiết chấm điểm các tiêu chí bình chọn và phương pháp chấm điểm theo quy định tại Phụ lục của Quy định này.

2. Ban Giám khảo tiến hành chấm điểm theo mẫu (tại Phụ lục 4, Thông tư số 26/2014/TT-BCT), đảm bảo nguyên tắc độc lập, công bằng, khách quan; từng thành viên tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

3. Trưởng Ban Giám khảo lập biên bản tổng hợp kết quả chấm điểm bình chọn gửi Hội đồng bình chọn.

Điều 14. Công nhận kết quả và cấp Giấy chứng nhận

1. Sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB (viết tắt là Giấy chứng nhận) phải đáp ứng các quy định tại Điều 2 và Điều 12 Quy định này; được Ban Giám khảo chấm điểm, điểm bình quân đạt từ 70 điểm trở lên. Cơ cấu và số lượng sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận do Hội đồng bình chọn quyết định.

2. Căn cứ vào kết quả bình chọn, Hội đồng bình chọn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận (theo mẫu tại Phụ lục 6 Thông tư số 26/2014/TT-BCT).

3. Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB có giá trị từ ngày được cấp đến hết ngày 31 tháng 12 của năm thứ tư (năm thứ nhất là năm cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận).

Điều 15. Tổ chức trao Giấy chứng nhận

1. Tổ chức trao giải sản phẩm CNNTTB phải nghiêm túc và trang trọng; phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương; đảm bảo có sự chứng kiến của đại diện chính quyền, đại diện các cơ quan thông tin đại chúng, các đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân, cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có sản phẩm tham gia bình chọn đạt giải.

2. Thời gian, địa điểm trao giải cụ thể do Hội đồng bình chọn quyết định.

3. Khuyến khích các đơn vị tổ chức sự kiện, các hiệp hội ngành nghề, các cơ quan, đơn vị thông tin truyền thông, các doanh nghiệp tham gia, phối hợp với

Hội đồng bình chọn trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền quảng bá cho việc bình chọn và tổ chức trao giải.

Điều 16. Quyền lợi của các cơ sở có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận

1. Được phép in hoặc dán nhãn Logo của Chương trình bình chọn sản phẩm CNNTTB trên sản phẩm hoặc bao bì của sản phẩm được công nhận.

2. Được tặng thưởng theo quy định tại Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công tỉnh Nam Định.

3. Được cung cấp thông tin, tư vấn, hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước; tư vấn lập dự án đầu tư mở rộng sản xuất, phát triển sản phẩm CNNTTB.

4. Được ưu tiên xét hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và địa phương để: Đào tạo nghề, truyền nghề; nâng cao năng lực quản lý; xây dựng chiến lược kinh doanh, marketing; xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm; tham gia các hội chợ, triển lãm, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm; xây dựng, đăng ký nhãn hiệu; xây dựng trang thông tin điện tử (website) của cơ sở và các nội dung ưu tiên, hỗ trợ khác để phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được quy định tại Nghị định 45/2012/NĐ-CP.

5. Được đăng tải thông tin giới thiệu về sản phẩm trên các phương tiện thông tin: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Nam Định, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Nam Định, Trang thông tin điện tử của Sở Công Thương tỉnh Nam Định...

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ sở có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận

1. Sản xuất và phát triển sản phẩm được công nhận với tiêu chuẩn chất lượng mà cơ sở đã cam kết tại hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn.

2. Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc đề xuất, xây dựng và thực hiện các chương trình, giải pháp nhằm hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNTTB.

Điều 18. Xử lý khiếu nại, thu hồi giấy chứng nhận

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư 26/2014/TT-BCT.

Điều 19. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức thực hiện bình chọn và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNTTB được sử dụng nguồn kinh phí quy định tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công tỉnh Nam Định và Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND

ngày 11/01/2019 của UBND tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 26/10/2015.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Công Thương

a) Là cơ quan Thường trực của Hội đồng bình chọn cấp tỉnh, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng bình chọn sản phẩm CNNTTB tỉnh; trình Hội đồng bình chọn tỉnh thành lập Ban giám khảo chấm điểm các sản phẩm công nghiệp nông thôn tham gia bình chọn cấp tỉnh.

c) Xây dựng kế hoạch bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định; tiếp nhận hồ sơ của các cơ sở công nghiệp nông thôn, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, tổng hợp và trình Hội đồng bình chọn tỉnh; Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc sử dụng kinh phí cho các hoạt động thực hiện bình chọn sản phẩm CNNTTB theo quy định.

d) Hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện.

đ) Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn hoàn thiện hồ sơ để đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp khu vực và cấp quốc gia.

e) Tổng hợp, theo dõi hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện, cấp tỉnh; tạo lập, cập nhật hồ sơ điện tử đăng ký bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp tỉnh vào hệ thống cơ sở dữ liệu sản phẩm CNNTTB, đồng thời gửi đăng ký bình chọn cấp khu vực.

g) Phối hợp với Cục Công Thương địa phương rà soát, có ý kiến đối với danh sách sản phẩm CNNTTB nhất của địa phương (do Hội đồng bình chọn cấp khu vực đề xuất) để đăng ký tham gia bình chọn cấp quốc gia.

2. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương xem xét, thẩm định hồ sơ khen thưởng trình UBND tỉnh khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong việc bình chọn các sản phẩm CNNTTB.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện phù hợp với kế hoạch chung được duyệt; tạo lập hồ sơ điện tử đăng

ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện, cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về sản phẩm CNNTTB, đồng thời gửi đăng ký bình chọn cấp tỉnh.

b) Thành lập Hội đồng bình chọn, Ban giám khảo; phê duyệt quyết định công nhận sản phẩm CNNTTB, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong việc bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện.

c) Phê duyệt danh sách sản phẩm CNNTTB cấp huyện đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp tỉnh.

d) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Công Thương kết quả bình chọn; kết quả hỗ trợ từ các chính sách của Nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở có sản phẩm được công nhận trên địa bàn.

Điều 21. Kiểm tra, giám sát và giải quyết vướng mắc

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Công Thương (cơ quan Thường trực Hội đồng bình chọn cấp tỉnh) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Ngô Gia Tự

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày /10/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

TT	Chỉ tiêu đánh giá	
I	Tiêu chí đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất (40 điểm)	
1	Đáp ứng nhu cầu thị trường (20 điểm)	<ul style="list-style-type: none">- Mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước (10 điểm)<ul style="list-style-type: none">+ Bảo đảm được nhu cầu các đơn hàng: 10 điểm.+ Bảo đảm phần lớn nhu cầu đơn hàng: 7 điểm.+ Bảo đảm một phần nhu cầu đơn hàng: 5 điểm.- Khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (10 điểm)<ul style="list-style-type: none">+ Thay thế, cạnh tranh được hàng nhập khẩu: 10 điểm+ Thay thế, cạnh tranh một phần hàng nhập khẩu: 7 điểm
2	Khả năng phát triển sản xuất (20 điểm)	<ul style="list-style-type: none">- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn (3 điểm)<ul style="list-style-type: none">+ Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn: 3 điểm+ Không có khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn: 1 điểm- Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất (3 điểm)<ul style="list-style-type: none">+ Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại vào nhiều công đoạn sản xuất: 3 điểm+ Khả năng áp dụng một phần công nghệ, thiết bị hiện đại vào sản xuất: 2 điểm- Quy mô sản xuất (3 điểm)- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác (3 điểm)<ul style="list-style-type: none">+ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác: 3 điểm+ Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác kém: 1 điểm- Khả năng sử dụng nguyên, vật liệu trong nước (3 điểm)<ul style="list-style-type: none">+ Khả năng sử dụng trên 50% nguyên, vật liệu trong nước: 3 điểm+ Khả năng sử dụng dưới 50% nguyên, vật liệu trong nước: 2 điểm

		<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm (5 điểm) + Có khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm: 5 điểm + Không khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm: 0 điểm
II Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường (40 điểm)		
1	Về kinh tế (9 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả kinh tế sản xuất kinh doanh sản phẩm (5 điểm) + Lợi nhuận/Vốn đầu tư lớn hơn 2 lần lãi suất ngân hàng: 5 điểm + Lợi nhuận/Vốn đầu tư thấp hơn 1,5 lần lãi suất ngân hàng: 3 điểm - Doanh thu sản xuất kinh doanh sản phẩm (3 điểm) + Sản phẩm công nghiệp nông thôn có mức tăng trưởng doanh thu cao hơn khu vực nông thôn: 3 điểm. + Sản phẩm công nghiệp nông thôn có mức tăng trưởng doanh thu tương đương khu vực nông thôn: 2 điểm. + Sản phẩm công nghiệp nông thôn có mức tăng trưởng doanh thu thấp hơn khu vực nông thôn: 1 điểm. - Đánh giá các chỉ tiêu kinh tế khác (1 điểm)
2	Về Kỹ thuật (12 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm (1 điểm): + Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đạt tiên tiến: 1 điểm + Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm đạt Trung bình: 1 điểm + Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm ở mức lạc hậu: 0 điểm - Chất lượng, mẫu mã sản phẩm (4 điểm) + Chất lượng, mẫu mã sản phẩm đảm bảo quy định pháp luật, phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường: 4 điểm. - Chất lượng, mẫu mã sản phẩm đảm bảo quy định pháp luật, song chưa thực sự phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường: (2 điểm). - Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định (2 điểm) - Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định (2 điểm) - Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,...) (1 điểm) + Đã và đang đăng ký chất lượng sản phẩm hàng hóa, sở

		<p>hữu trí tuệ, áp dụng hệ thống quản lý ISO, HACCP,...: 1 điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chưa đăng ký chất lượng sản phẩm hàng hóa, sở hữu trí tuệ, áp dụng hệ thống quản lý ISO, HACCP,...: 0 điểm. - Chất lượng lao động tham gia sản xuất (2 điểm) <ul style="list-style-type: none"> + Lao động được đào tạo, có tay nghề, được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động: 2 điểm + Còn lao động chưa được đào tạo, có tay nghề yếu, bảo hộ lao động chưa đáp ứng đủ: 1 điểm
3	Về Xã hội (14 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng thu hút, giải quyết được việc làm cho lao động (6 điểm) <ul style="list-style-type: none"> + Cơ sở sản xuất tham gia bình chọn có mức tăng lao động cao hơn khu vực nông thôn: 6 điểm. + Cơ sở sản xuất tham gia bình chọn có mức tăng lao động tương đương khu vực nông thôn: 4 điểm. + Cơ sở sản xuất tham gia bình chọn có mức tăng lao động thấp hơn khu vực nông thôn: 2 điểm. - Thu nhập bình quân của người lao động (6 điểm) <ul style="list-style-type: none"> + Thu nhập bình quân của người lao động cơ sở CNNT cao hơn bình quân thu nhập người lao động khu vực: 6 điểm + Thu nhập bình quân của người lao động cơ sở CNNT bằng bình quân thu nhập người lao động khu vực: 4 điểm + Thu nhập bình quân của người lao động cơ sở CNNT thấp hơn thu nhập bình quân của người lao động: 2 điểm - Đánh giá các tác động xã hội khác (2 điểm)
4	Về Môi trường (5 điểm)	<p>Đánh giá tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất (5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất: 5 điểm + Chưa thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất: 2 điểm
III Tiêu chí về tính văn hóa, tính thẩm mỹ (10 điểm)		
1	Tính văn hóa (6 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Mức độ thể hiện tính đặc thù văn hóa dân tộc (2 điểm) <ul style="list-style-type: none"> + Sản phẩm thể hiện được tính văn hóa dân tộc, phù hợp với tính hiện đại: 2 điểm. + Sản phẩm chưa thể hiện được tính văn hóa dân tộc, phù hợp với tính hiện đại: 1 điểm - Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hóa của sản phẩm (4 điểm) <ul style="list-style-type: none"> + Sản phẩm kế thừa được giá trị văn hóa truyền thống của

		<p>sản phẩm (chất liệu, kiểu dáng,...): 4 điểm</p> <p>+ Sản phẩm kế thừa một phần giá trị văn hóa truyền thống của sản phẩm (chất liệu, kiểu dáng,...): 2 điểm</p> <p>+ Sản phẩm không kế thừa giá trị văn hóa truyền thống của sản phẩm (chất liệu, kiểu dáng,...): 0 điểm</p>
2	Tính thẩm mỹ (4điểm)	<p>Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo, hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp (4 điểm)</p> <p>+ Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo, hình thức, mẫu mã, bao bì hài hòa, phù hợp xu thế phát triển của thị trường: 4 điểm</p> <p>+ Sản phẩm chưa có thiết kế độc đáo, hình thức, mẫu mã, bao bì chưa hài hòa, chưa phù hợp xu thế phát triển thị trường: 2 điểm</p>
IV Các tiêu chí khác (10 điểm)		
1	Các chứng nhận liên quan đến chất lượng sản phẩm (3 điểm)	<p>Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận (3 điểm):</p> <p>+ Có các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận: 3 điểm</p> <p>+ Chưa có đủ các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận: 0 điểm</p>
2	Các giải thưởng, khen thưởng (3 điểm)	<p>Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được (3 điểm)</p> <p>+ Đã có các chứng nhận về giải thưởng, bằng khen cấp quốc gia: 3 điểm; cấp khu vực, tỉnh: 2 điểm</p> <p>+ Có các chứng nhận về giải thưởng, bằng khen cấp bộ (bộ, khu vực, tỉnh) đã được công nhận: 2 điểm</p>
3	Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và các hoạt động công ích xã hội. (4 điểm)	<p>- Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước (2 điểm)</p> <p>+ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước: 2 điểm</p> <p>+ Thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước chưa đầy đủ: 0 điểm</p> <p>- Tham gia các hoạt động công ích xã hội (2 điểm)</p>